

Số: 71/KH-SGDĐT

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 11 năm 2019

## KẾ HOẠCH

### **Tuyển sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2020-2021**

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở (THCS) và tuyển sinh trung học phổ thông (THPT) ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18/04/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên được hợp nhất tại Văn bản số 20/VBHN-BGDĐT ngày 30/05/2014 của Bộ GDĐT;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ GDĐT,

Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch tuyển sinh THCS, THPT và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh năm học 2020-2021 như sau:

#### **A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Lựa chọn những học sinh có đủ phẩm chất và năng lực tiếp nhận nội dung và chương trình của cấp học; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cơ sở giáo dục, thực hiện phân luồng đào tạo sau khi học sinh học hết chương trình THCS.

- Xây dựng phương án tuyển sinh đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thí sinh và đảm bảo nghiêm túc, an toàn, trung thực, khách quan, công bằng, chính xác và tiết kiệm.

- Tuyển sinh trên phạm vi cả tỉnh:

+ Tuyển sinh vào lớp 6 THCS 100% số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học;

+ Số học sinh trúng tuyển vào lớp 10 THPT và Giáo dục thường xuyên (tính cả trường Phổ thông Tuyên Quang, trường THPT Chuyên và trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT) tối đa bằng 80% số học sinh tốt nghiệp THCS (2 hệ).

#### **B. CÔNG TÁC TUYỂN SINH**

##### **I. TUYỂN SINH VÀO TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ THCS**

##### **1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển sinh**

a) Đối tượng

Học sinh dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú và học tập từ 3 năm trở lên liền kề tính đến thời điểm tuyển sinh tại các xã hoặc thôn thuộc vùng có điều kiện

kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khó khăn; học sinh dân tộc Kinh (không quá 5% tổng số chỉ tiêu tuyển mới) có hộ khẩu thường trú và học tập từ 3 năm trở lên liên tục đến thời điểm tuyển sinh tại các xã hoặc thôn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Điều kiện dự tuyển sinh

Học sinh dự tuyển sinh phải có đủ các điều kiện sau:

- Có đủ sức khỏe để học tập.  
- Gia đình và bản thân học sinh không có liên quan với các tổ chức (đảng phái, tôn giáo...) phản động. Trong gia đình chưa có anh, chị, em ruột học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc đã được cử tuyển vào học các trường cao đẳng và đại học.

- Trong độ tuổi quy định và có hồ sơ hợp lệ.

- Kết quả học tập các lớp trước đảm bảo:

+ Đối với học sinh dự tuyển sinh vào lớp 6: Đã được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học.

+ Đối với học sinh dự tuyển sinh vào các lớp 7, lớp 8 và lớp 9: Trong các năm học của các lớp trước lớp tuyển sinh xếp loại Hạnh kiểm Tốt, học lực từ Khá trở lên. Riêng thí sinh là người dân tộc Xtiêng, Cơ Tu, Xơ Đăng, Thổ, La Hủ, Ê đê, Khơ Me, Xinh Mun, Giáy, Thái, La Chí, Mường, Mông trong các năm học của các lớp trước lớp tuyển sinh xếp loại hạnh kiểm Tốt, học lực từ Trung bình trở lên; thí sinh là người dân tộc Cờ Lao, Lô lô, Pu Péo, Ngái, Pà Thèn các năm học của các lớp trước lớp tuyển sinh xếp loại hạnh kiểm Khá, học lực từ Trung bình trở lên.

## 2. Thời gian tuyển sinh

Tháng 6/2020.

## 3. Chỉ tiêu tuyển sinh

Theo chỉ tiêu được giao trong kế hoạch phát triển giáo dục của đơn vị.

## 4. Phương thức và căn cứ xét tuyển

a) Phương thức: Xét tuyển thông qua hồ sơ dự tuyển.

b) Căn cứ xét tuyển

- Đối tượng, điều kiện, chỉ tiêu tuyển sinh theo vùng (Đặc biệt khó khăn và khó khăn) của từng xã và cơ cấu dân tộc của địa phương.

- Điểm kiểm tra định kỳ cuối năm học của 02 môn Toán và Tiếng Việt trong các năm học lớp 3, lớp 4 và lớp 5 (riêng lớp 5 nhân hệ số 3 và nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó).

- Điểm cộng thêm cho đối tượng hưởng chính sách ưu tiên.

## 5. Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên

a) Tuyển thẳng

- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người (Pu Péo, Cờ Lao, La Hủ, Pà Thèn, Ngái, Lô Lô, Thủy...).

- Học sinh người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng dự tuyển đạt giải cấp quốc gia trở lên về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao.

#### b) Chế độ ưu tiên

- Nhóm đối tượng 1: Con liệt sĩ; Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên; Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên; Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.

- Nhóm đối tượng 2: Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động; Con thương binh mất sức lao động dưới 81%; Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

- Nhóm đối tượng 3: Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; người dân tộc thiểu số.

Mức chênh lệch điểm cộng thêm giữa hai nhóm đối tượng được ưu tiên kế tiếp là 0,5 điểm.

## II. TUYỂN SINH VÀO TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN, THÀNH PHỐ TUYẾN QUANG

### 1. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển kết hợp với kiểm tra đánh giá năng lực học sinh.

### 2. Căn cứ xét tuyển

- Đối tượng, điều kiện, chỉ tiêu và vùng tuyển sinh.

- Điểm xét tuyển, điểm kiểm tra đánh giá năng lực học sinh:

+ Điểm xét tuyển là điểm kiểm tra định kỳ cuối năm học của 02 môn Toán và Tiếng Việt trong 3 năm học lớp 3, lớp 4 và lớp 5 ở tiểu học

+ Điểm kiểm tra đánh giá năng lực học sinh.

### 3. Đối tượng, điều kiện, chỉ tiêu và vùng tuyển sinh

Đối tượng, điều kiện (xếp loại giáo dục, hạnh kiểm, năng lực, phẩm chất...), chỉ tiêu tuyển sinh do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định; vùng tuyển sinh trên địa bàn toàn tỉnh.

### 4. Điểm xét tuyển (ĐXT)

$$ĐXT = T_1 + 2T_2 + T_3$$

-  $T_1$  là điểm TB điểm kiểm tra định kỳ cuối năm học của 02 môn Toán và Tiếng Việt trong 3 năm học lớp 3, lớp 4 và lớp 5 ở tiểu học.

-  $T_2$  là điểm trung bình các bài kiểm tra đánh giá năng lực.

-  $T_3$  là điểm cộng cho đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên (thuộc nhóm đối tượng 1 và nhóm đối tượng 2 ở mục 5/I/B).

## III. TUYỂN SINH VÀO CÁC TRƯỜNG THCS CÒN LẠI

### 1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Là người đã hoàn thành chương trình tiểu học.
- Độ tuổi dự tuyển sinh vào lớp 6 THCS: Thực hiện theo Điều 37, Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

## **2. Thời gian tuyển sinh**

a) Đợt 1: Hoàn thành trong tháng 6/2020.

b) Đợt 2: Hoàn thành trước 10/8/2020.

Xét tuyển những học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học đợt 2.

## **3. Phương thức tuyển sinh**

Xét tuyển thông qua kiểm tra hồ sơ dự tuyển (kết quả học tập, rèn luyện), vùng tuyển sinh do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quy định.

# **IV. TUYỂN SINH VÀO TRƯỜNG THPT CHUYÊN TUYẾN QUANG**

## **1. Chỉ tiêu tuyển sinh**

a) Các lớp chuyên: 08 lớp chuyên, tối đa 280 học sinh, mỗi lớp tối đa 35 học sinh.

- 01 lớp chuyên Toán;
- 01 lớp chuyên Toán-Tin;
- 01 lớp chuyên Vật lí;
- 01 lớp chuyên Hoá học;
- 01 lớp chuyên Sinh học;
- 01 lớp chuyên Ngữ Văn;
- 01 lớp chuyên Lịch Sử;
- 01 lớp chuyên Tiếng Anh.

b) Lớp không chuyên: 01 lớp, tối đa 45 học sinh.

## **2. Đăng kí dự thi, môn thi**

- Mỗi học sinh được đăng kí dự tuyển nhiều nhất là 3 nguyện vọng tương ứng với 3 môn chuyên theo thứ tự ưu tiên: Nguyện vọng 1, nguyện vọng 2, nguyện vọng 3.

- Điều kiện dự tuyển:

+ Học sinh tốt nghiệp THCS tại tỉnh Tuyên Quang (kể cả người học tốt nghiệp các năm học trước, nếu còn đủ tuổi học, có hồ sơ hợp lệ);

+ Xếp loại hạnh kiểm, học lực cả năm học của các lớp cấp trung học cơ sở từ khá trở lên;

+ Xếp loại tốt nghiệp trung học cơ sở từ khá trở lên.

- Môn thi: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh không chuyên (bắt buộc đối với mọi thí sinh) và 01 bài thi môn chuyên tương ứng với lớp chuyên đăng kí dự thi.

Riêng thí sinh dự thi lớp chuyên Toán-Tin thi môn Toán chuyên

- Đề thi: Đề thi được áp dụng hình thức tự luận. Riêng môn Toán không chuyên và Tiếng Anh chuyên kết hợp trắc nghiệm với tự luận, môn Tiếng Anh không chuyên trắc nghiệm.

**3. Phương thức tuyển sinh:** Thi tuyển.

#### 4. Lịch thi, địa điểm thi

##### a) Lịch thi

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài
04/6/2020	Sáng	Toán	90 phút	7 giờ 25	7 giờ 30
		Tiếng Anh	60 phút	9 giờ 55	10 giờ 00
	Chiều	Ngữ văn	120 phút	14 giờ 25	14 giờ 30
05/6/2020	Sáng	Ngữ văn	150 phút	7 giờ 25	7 giờ 30
		Toán	150 phút	7 giờ 25	7 giờ 30
	Chiều	Vật lý	150 phút	14 giờ 25	14 giờ 30
		Hoá học	120 phút	14 giờ 25	14 giờ 30
		Tiếng Anh	120 phút	14 giờ 25	14 giờ 30
		Lịch sử	150 phút	14 giờ 25	14 giờ 30
		Sinh học	150 phút	14 giờ 25	14 giờ 30

b) Địa điểm: Trường THPT Chuyên.

c) Riêng kết quả của 3 môn Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh không chuyên (Tiếng Anh không chuyên thay thế bài thi tổ hợp) là căn cứ tham gia xét tuyển vào trường PTĐTNT THPT tỉnh Tuyên Quang, trường PTĐTNT ATK Sơn Dương hoặc trường THPT khác (nếu thí sinh không trúng tuyển vào trường THPT Chuyên).

#### V. TUYỂN SINH VÀO TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ THPT TỈNH TUYÊN QUANG

##### 1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển sinh

###### a) Đối tượng

Học sinh dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú và học tập từ 3 năm trở lên liền kề tính đến thời điểm tuyển sinh tại các xã hoặc thôn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khó khăn; học sinh dân tộc Kinh (không quá 5% tổng số chỉ tiêu tuyển mới) có hộ khẩu thường trú và học tập từ 3 năm trở lên liền kề tính đến thời điểm tuyển sinh tại các xã hoặc thôn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

###### b) Điều kiện dự tuyển sinh

Học sinh tham gia dự tuyển phải có đủ các điều kiện sau:

- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Gia đình và bản thân học sinh không có liên quan với các tổ chức (đảng phái, tôn giáo...) phản động. Trong gia đình chưa có anh, chị, em ruột học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc cử tuyển vào các trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học.
- Trong độ tuổi quy định và có hồ sơ hợp lệ.

- Kết quả học tập các lớp trước đảm bảo: Đã tốt nghiệp THCS, trong các năm học lớp 7, lớp 8, lớp 9 được xếp loại Hạnh kiểm và học lực từ Khá trở lên. Riêng thí sinh là dân tộc Cờ Lao, Lô lô, Pu Péo, Ngái, Pà Thên, Thủy, Xiêng, Cơ Tu, Xơ Đăng, Thổ, La Hủ, Ê đê, Kơ Me, Xinh Mun, Giáy, Thái, La Chí, Mường, Mông trong các năm học của các lớp trước lớp tuyển sinh xếp loại hạnh kiểm từ Khá trở lên, học lực từ Trung bình trở lên.

**2. Vùng tuyển sinh:** Tuyển học sinh thuộc các huyện:

Lâm Bình, Na Hang, Chiêm Hóa, Hàm Yên và 19 xã của huyện Yên Sơn gồm: Chân Sơn, Chiêu Yên, Đội Bình, Hoàng Khai, Lục Hành, Mỹ Bằng, Nhữ Hán, Nhữ Khê, Phú Lâm, Phúc Ninh, Tân Long, Tân Tiến, Thắng Quân, Tú Quận, Xuân Vân, Kiến Thiết, Lang Quán, Quý Quân, Trung Trục.

**3. Chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10:** 4 lớp, 142 học sinh.

(Bảng phân bổ chỉ tiêu vào lớp 10 đính kèm)

**4. Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển kết hợp với thi tuyển.

- Môn thi: Toán, Ngữ văn và bài thi tổ hợp 02 môn (Tiếng Anh và 1 môn thuộc KHTN hoặc KHXH).

- Đề thi: môn Ngữ văn ra theo hình thức tự luận, môn Toán kết hợp trắc nghiệm với tự luận và bài tổ hợp trắc nghiệm.

**5. Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên, khuyến khích**

a) Tuyển thẳng

- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người (Pu Péo, Cờ Lao, La Hủ, Pà Thên, Ngái, Lô Lô, Thủy...).

- Học sinh người dân tộc thiểu số thuộc đối tượng dự tuyển đạt giải cấp quốc gia trở lên về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học.

b) Chế độ ưu tiên

- Nhóm đối tượng 1: Con liệt sĩ; Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên; Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên; Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.

- Nhóm đối tượng 2: Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động; Con thương binh mất sức lao động dưới 81%; Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

- Nhóm đối tượng 3: Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; người dân tộc thiểu số.

Mức chênh lệch điểm cộng thêm giữa hai nhóm đối tượng được ưu tiên kế tiếp là 0,5 điểm.

c) Chế độ khuyến khích

Học sinh đạt giải cá nhân trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh cho học sinh lớp 9 THCS đối với các môn văn hóa, giải toán trên máy tính cầm tay, văn nghệ, thể dục thể thao, cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học.

Mức điểm cộng thêm: giải Nhất được cộng 3,0 điểm; giải Nhì được cộng 2,0 điểm; giải Ba được cộng 1,0 điểm. Nếu học sinh đoạt nhiều giải khác nhau trong nhiều cuộc thi chỉ được hưởng một mức cộng điểm của loại giải cao nhất.

## 6. Lịch thi, địa điểm thi

a) Lịch thi:

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài
04/6/2020	Sáng	Toán	90 phút	7 giờ 25	7 giờ 30
		Bài tổ hợp	60 phút	9 giờ 55	10 giờ 00
	Chiều	Ngữ văn	120 phút	14 giờ 25	14 giờ 30

b) Địa điểm: Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT Tuyên Quang.

c) Điểm xét tuyển (kể cả các trường THPT)

Điểm xét tuyển (ĐXT) là tổng điểm 3 bài thi nhân hệ số 2, tổng điểm tính theo kết quả rèn luyện, học tập của 4 năm học ở THCS và điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên, khuyến khích.

## VI. TUYỂN SINH VÀO TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ ATK SƠN DƯƠNG

### 1. Tuyển sinh vào lớp 6

a) Đối tượng, điều kiện dự tuyển sinh

Thực hiện như tuyển sinh vào các trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS (Mục II).

b) Chỉ tiêu tuyển sinh

- 02 lớp, 70 học sinh, mỗi lớp 35 học sinh.

### 2. Tuyển sinh vào lớp 10

a) Đối tượng, điều kiện dự tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tuyển thẳng, chế độ ưu tiên, khuyến khích.

Thực hiện như tuyển sinh vào trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh Tuyên Quang.

b) Vùng tuyển sinh:

Tuyển học sinh thuộc các huyện: Sơn Dương và học sinh thuộc 8 xã của huyện Yên Sơn gồm: Kim Quan, Trung Sơn, Công Đa, Tiến Bộ, Hùng Lợi, Phú Thịnh, Đạo Viện, Trung Minh. Học sinh thuộc các xã còn lại của huyện Yên Sơn thuộc đối tượng tuyển sinh, được phép lựa chọn một trong hai nguyện vọng đăng ký dự tuyển sinh vào trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT tỉnh Tuyên Quang hoặc trường Phổ thông dân tộc nội trú ATK Sơn Dương.

c) Chỉ tiêu tuyển sinh: 02 lớp, 70 học sinh.

(Bảng phân bổ chỉ tiêu vào lớp 6 và lớp 10 đính kèm)

d) Lịch thi, địa điểm thi

- Lịch thi:

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài
04/6/2020	Sáng	Toán	90 phút	7 giờ 25	7 giờ 30
		Bài tổ hợp	60 phút	9 giờ 55	10 giờ 00
	Chiều	Ngữ văn	120 phút	14 giờ 25	14 giờ 30

- Môn thi: Toán, Ngữ văn và bài thi tổ hợp 02 môn (Tiếng Anh và 1 môn thuộc KHTN hoặc KHXH).

- Đề thi: môn Ngữ văn ra theo hình thức tự luận, môn Toán kết hợp trắc nghiệm với tự luận và bài tổ hợp trắc nghiệm.

- Địa điểm: Trường Phổ thông dân tộc nội trú ATK Sơn Dương.

## VII. TUYỂN SINH VÀO TRƯỜNG PHỔ THÔNG TUYÊN QUANG

### 1. Tuyển sinh vào lớp 1

a) Chỉ tiêu: 60 học sinh

b) Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.

c) Đăng ký dự tuyển sinh

- Hồ sơ dự tuyển:

+ Đơn xin vào học lớp 1 của cha mẹ học sinh (*theo mẫu*).

+ Bản sao Giấy khai sinh (*hợp lệ*).

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 25/5/2020 đến hết ngày 31/7/2020.

d) Quy trình tuyển sinh

- Thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) vào lớp 1 năm học 2020-2021 gồm: Hiệu trưởng là chủ tịch Hội đồng; Phó Hiệu trưởng là phó chủ tịch Hội đồng; thư ký và các ủy viên.

- HĐTS trường căn cứ vào hồ sơ đăng ký tuyển sinh và chỉ tiêu được giao tiến hành xét tuyển theo nguyên tắc ưu tiên học sinh trên địa bàn từ gần đến xa trong tỉnh, ngoài tỉnh.

- Lập biên bản xét tuyển của HĐTS.

e) Thời gian tuyển sinh

- Đợt 1: Hoàn thành trong tháng 6/2020.

- Đợt 2: Hoàn thành trước ngày 01/8/2020.

### 2. Tuyển sinh vào lớp 6

a) Chỉ tiêu: 60 học sinh

b) Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển qua kết quả học tập và rèn luyện.

c) Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Là người đã hoàn thành chương trình tiểu học.



- Độ tuổi dự tuyển sinh vào lớp 6 THCS: Thực hiện theo Điều 37, Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

d) Điểm xét tuyển

Điểm xét tuyển (ĐXT) là tổng điểm kiểm tra định kỳ cuối năm học của 02 môn Toán và Tiếng Việt trong 3 năm học lớp 3, lớp 4 và lớp 5 ở tiểu học (riêng lớp 5 nhân hệ số 3 và nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó) và điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên.

e) Quy trình xét tuyển

- Chỉ xét tuyển đối với học sinh có đủ hồ sơ dự tuyển hợp lệ, đúng đối tượng và đủ điều kiện dự tuyển.

- Căn cứ vào điểm xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh, xét từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu được giao.

- Trường hợp nhiều học sinh có điểm xét tuyển bằng nhau mà bị vượt chỉ tiêu thì xét theo thứ tự ưu tiên sau: Học sinh thuộc nhóm đối tượng 1; học sinh thuộc nhóm đối tượng 2; học sinh có tổng điểm kiểm tra 02 môn Toán và Tiếng Việt: cuối năm học lớp 5 cao hơn, cuối năm học lớp 4 cao hơn; cuối năm học lớp 3 cao hơn.

f) Thời gian tuyển sinh

- Đợt 1: Hoàn thành trong tháng 6/2020.

- Đợt 2: Hoàn thành trước ngày 10/8/2020.

**3. Tuyển sinh vào lớp 10**

a) Đối tượng

Học sinh tốt nghiệp THCS tại tỉnh Tuyên Quang và các tỉnh lân cận (kể cả người học tốt nghiệp các năm học trước, nếu còn đủ tuổi học, có hồ sơ hợp lệ, có nguyện vọng học lên lớp 10).

b) Chỉ tiêu tuyển sinh: 60 học sinh

c) Phương thức tuyển sinh: Kết hợp thi tuyển với xét tuyển.

d) Lịch thi, môn thi, đề thi, địa điểm thi

- Lịch thi

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài
04/6/2020	Sáng	Toán	90 phút	7 giờ 25	7 giờ 30
		Bài tổ hợp	60 phút	9 giờ 55	10 giờ 00
	Chiều	Ngữ văn	120 phút	14 giờ 25	14 giờ 30

- Môn thi: Toán, Ngữ văn và bài thi tổ hợp 02 môn (Tiếng Anh và 1 môn thuộc KHTN hoặc KHXH).

- Đề thi: môn Ngữ văn ra theo hình thức tự luận, môn Toán kết hợp trắc nghiệm với tự luận và bài tổ hợp trắc nghiệm.

- Địa điểm thi: Tại trường Phổ thông Tuyên Quang.

e) Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên

- Tuyển thẳng

+ Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú đã tốt nghiệp trung học cơ sở;

+ Học sinh là người dân tộc rất ít người (Pu Péo, Cờ Lao, La Hủ, Pà Thên, Ngái, Lô Lô, Thủy...) đã tốt nghiệp trung học cơ sở;

+ Học sinh khuyết tật;

+ Học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba (hoặc huy chương Vàng, Bạc, Đồng) trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (hoặc khu vực) trở lên về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học.

- Chế độ ưu tiên

+ Nhóm đối tượng 1: Con liệt sĩ; Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên; Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên; Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.

+ Nhóm đối tượng 2: Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động; Con thương binh mất sức lao động dưới 81%; Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

+ Nhóm đối tượng 3: Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; Người dân tộc thiểu số.

Mức chênh lệch điểm cộng thêm giữa hai nhóm đối tượng được ưu tiên kế tiếp là 0,5 điểm.

## VIII. TUYỂN SINH VÀO CÁC TRƯỜNG THPT CÒN LẠI

### 1. Đối tượng

Học sinh tốt nghiệp THCS tại tỉnh Tuyên Quang (kể cả người học tốt nghiệp các năm học trước, nếu còn đủ tuổi học, có hồ sơ hợp lệ, có nguyện vọng học lên lớp 10).

### 2. Chỉ tiêu tuyển sinh

Căn cứ Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở GDĐT giao chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 THPT, GDTX cho các trường THPT, Trung tâm GDTX-HN tỉnh năm học 2020-2021.

**3. Phương thức tuyển sinh:** Kết hợp thi tuyển với xét tuyển.

### 4. Lịch thi, môn thi, đề thi, địa điểm thi

a) Lịch thi

Ngày	Buổi	Môn thi	Thời gian làm bài	Giờ phát đề cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài
04/6/2020	Sáng	Toán	90 phút	7 giờ 25	7 giờ 30
		Bài tổ hợp	60 phút	9 giờ 55	10 giờ 00
	Chiều	Ngữ văn	120 phút	14 giờ 25	14 giờ 30

b) Môn thi: Toán, Ngữ văn và bài thi tổ hợp 02 môn (Tiếng Anh và 1 môn thuộc KHTN hoặc KHXH).

c) Đề thi: môn Ngữ văn ra theo hình thức tự luận, môn Toán kết hợp trắc nghiệm với tự luận và bài tổ hợp trắc nghiệm.

d) Địa điểm thi: Tại các trường THPT thí sinh đăng ký dự thi.

### **5. Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên**

a) Tuyển thẳng

- Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú đã tốt nghiệp trung học cơ sở;
- Học sinh là người dân tộc rất ít người (Pu Péo, Cờ Lao, La Hủ, Pà Thên, Ngái, Lô Lô, Thủy...) đã tốt nghiệp trung học cơ sở;
- Học sinh khuyết tật;
- Học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba (hoặc huy chương Vàng, Bạc, Đồng) trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia (hoặc khu vực) trở lên về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học.

b) Chế độ ưu tiên

- Nhóm đối tượng 1: Con liệt sĩ; Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên; Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên; Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.

- Nhóm đối tượng 2: Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động; Con thương binh mất sức lao động dưới 81%; Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

- Nhóm đối tượng 3: Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; Người dân tộc thiểu số; Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.

Mức chênh lệch điểm cộng thêm giữa hai nhóm đối tượng được ưu tiên kế tiếp là 0,5 điểm.

## **IX. TUYỂN SINH VÀO TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN - HƯỚNG NGHIỆP TỈNH**

**1. Chỉ tiêu tuyển sinh:** 03 lớp 10 bổ túc THPT, 135 học viên.

**2. Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển.

**3. Đối tượng tuyển sinh**

a) Cán bộ, công chức, người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế đang làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Học sinh tốt nghiệp THCS (2 hệ) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**4. Thời gian:** Tháng 7/2020

## **C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **I. Sở Giáo dục và Đào tạo**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh cho các các phòng GDĐT và trường THPT;
2. Thành lập các hội đồng: ra đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo bài thi, sao in, vận chuyển đề thi. Tổ chức, nhiệm vụ, hoạt động, quyền hạn và trách nhiệm của các hội đồng này, vận dụng theo các quy định tương ứng của Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia năm 2020;
3. Phê duyệt kết quả tuyển sinh vào các trường THPT (kể cả trường Phổ thông Tuyên Quang, trường PTDTNT THPT tỉnh và PTDTNT ATK Sơn Dương);
4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh;
5. Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

### **II. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố**

1. Chỉ đạo, phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở;
2. Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra tuyển sinh.

### **III. Các đơn vị trực thuộc Sở**

#### **1. Trường PTDTNT THPT tỉnh Tuyên Quang và trường PTDTNT ATK Sơn Dương**

- a) Lập kế hoạch tuyển sinh năm học 2020-2021 trình Sở GDĐT; nộp danh sách đề xuất cán bộ, giáo viên nhà trường tham gia Hội đồng tuyển sinh, phương án phân ban gửi về Sở GDĐT.
- b) Tiếp nhận hồ sơ dự tuyển sinh của học sinh giao cho hội đồng tuyển sinh kiểm tra, lập danh sách thí sinh dự tuyển sinh;
- c) Chuẩn bị cơ sở vật chất để Hội đồng coi thi, Hội đồng tuyển sinh làm việc;
- d) Tiếp nhận kết quả điểm các bài thi của Hội đồng chấm thi, tổ chức cho Hội đồng tuyển sinh xét tuyển, trình Giám đốc Sở GDĐT phê duyệt kết quả tuyển sinh;
- e) Công bố kết quả tuyển sinh sau khi được Sở GDĐT phê duyệt, tổ chức nhập học cho những thí sinh trúng tuyển;
- f) Tiếp nhận đơn phúc khảo của thí sinh chuyển cho Sở GDĐT, tiếp nhận khiếu nại, giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết;
- g) Tổ chức lưu trữ hồ sơ tuyển sinh theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

#### **2. Trường THPT Chuyên Tuyên Quang**

- a) Tiếp nhận, kiểm tra đơn xin dự tuyển sinh của học sinh và lập danh sách thí sinh dự tuyển sinh theo mẫu (đảm bảo thông tin đầy đủ, chính xác) trước khi gửi cho Sở GDĐT;
- b) Chuẩn bị cơ sở vật chất để Hội đồng coi thi làm việc;
- c) Công bố kết quả tuyển sinh sau khi Giám đốc Sở GDĐT phê duyệt, tổ chức nhập học cho những thí sinh trúng tuyển;
- d) Tiếp nhận đơn phúc khảo của thí sinh gửi cho Sở GDĐT, tiếp nhận khiếu nại, giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết.

### **3. Các trường THPT còn lại**

a) Căn cứ đơn xin dự tuyển sinh lập Danh sách dự tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2020-2021, phương án tuyển sinh, phương án phân ban, danh sách đề xuất cán bộ, giáo viên nhà trường tham gia Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng coi thi tuyển sinh gửi Sở GDĐT;

b) Tiếp nhận hồ sơ dự tuyển sinh của học sinh; bàn giao hồ sơ dự tuyển cho Hội đồng tuyển sinh;

c) Chuẩn bị cơ sở vật chất để Hội đồng coi thi, Hội đồng tuyển sinh làm việc;

d) Tiếp nhận kết quả điểm các bài thi của Hội đồng chấm thi, tổ chức cho Hội đồng tuyển sinh xét tuyển, trình Giám đốc Sở GDĐT phê duyệt kết quả tuyển sinh;

e) Công bố kết quả tuyển sinh, tổ chức nhập học cho những thí sinh trúng tuyển;

f) Tiếp nhận đơn phúc khảo của thí sinh chuyển cho Sở GDĐT, tiếp nhận khiếu nại, giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết;

g) Tổ chức lưu trữ hồ sơ tuyển sinh theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

### **4. Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh**

a) Tổ chức, triển khai, thực hiện công tác tuyển sinh theo kế hoạch;

b) Trình Sở GDĐT ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, chuẩn bị hồ sơ và công bố kết quả tuyển sinh sau khi được phê duyệt;

c) Cung cấp đơn xin dự tuyển sinh cho học sinh.

d) Chuẩn bị kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ công tác tuyển sinh;

e) Tiếp nhận khiếu nại, giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết;

f) Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

## **IV. Phòng Giáo dục và Đào tạo**

1. Lập kế hoạch tuyển sinh các trường THCS (kể cả trường PTDTNT THCS trên địa bàn) trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt đồng thời gửi Sở GDĐT; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc trường PTDTNT THCS, các trường THCS thực hiện kế hoạch tuyển sinh;

2. Ra Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của các trường THCS và trường PTDTNT THCS;

3. Phê duyệt kết quả tuyển sinh của từng trường THCS (kể cả trường PTDTNT THCS);

4. Thực hiện thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và hàng năm, đột xuất về công tác tuyển sinh với ủy ban nhân dân cấp huyện và sở GDĐT;

5. Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh THCS và trường PTDTNT THCS theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

## V. Các trường THCS và trường PTDTNT THCS

1. Tổ chức, triển khai, thực hiện công tác tuyển sinh theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của phòng GDĐT về công tác tuyển sinh;

2. Trình Trưởng phòng GDĐT ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, chuẩn bị hồ sơ và công bố kết quả tuyển sinh sau khi được phê duyệt;

3. Tổ chức hướng dẫn học sinh lập hồ sơ dự tuyển sinh vào THPT; tổ chức Hội nghị cha mẹ học sinh phổ biến các văn bản hướng dẫn tuyển sinh năm học 2020-2021; hướng dẫn cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ có ý kiến cuối cùng về việc đăng ký dự tuyển của thí sinh; thông báo công khai trên bảng tin của nhà trường;

4. Cung cấp đơn xin dự tuyển sinh cho học sinh. Hiệu trưởng trường THCS xác nhận các nội dung trong đơn xin dự tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT Chuyên và PTDTNT sau khi tổ chức kiểm tra, đối chiếu với các giấy tờ liên quan;

5. Chuẩn bị kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ công tác tuyển sinh;

6. Tiếp nhận khiếu nại, giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết;

7. Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh THCS, THPT và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh năm học 2020-2021. Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các đơn vị triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển sinh năm học 2020-2021 sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. /.

Nơi nhận: *A*

- UBND tỉnh;
- Vụ GDTrH, vụ GDTX Bộ GDĐT;
- Các trường THPT;
- Trung tâm GDTX-Hướng nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các phòng GDĐT;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Văn phòng Sở GDĐT;
- Phòng KH-TC Sở GDĐT;
- Thanh tra Sở GDĐT;
- Phòng GDTrH;
- Lưu VT, KT&KDCLGD.

(báo cáo)

(thực hiện)



GIÁM ĐỐC

Vũ Đình Hưng

# PHÂN BỐ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM HỌC 2020-2021

(Kèm theo Kế hoạch số 71/KH-SGDĐT, ngày 20/11/2019 của Sở GD&ĐT)

## 1. Trường PTDTNT ATK Sơn Dương

### a. Lớp 6

TT	Tên xã	Nguồn tuyển sinh			Chỉ tiêu tuyển sinh		
		Tổng số	Vùng ĐBKK	Vùng khó khăn	Tổng số	Vùng ĐBKK	Vùng khó khăn
1	Minh Thanh	93	93	0	5	5	0
2	Bình Yên	57	57	0	4	0	4
3	Chi Thiết	33	13	20	2	1	1
4	Đại Phú	162	112	50	4	2	2
5	Đông Lợi	46	46	0	2	0	2
6	Đồng Quý	53	40	13	2	1	1
7	Đông Thọ	116	65	51	2	1	1
8	Hào Phú	19	0	19	2	0	2
9	Hợp Hòa	85	0	85	2	0	2
10	Hợp Thành	65	0	65	2	0	2
11	Kháng Nhật	22	0	22	2	0	2
12	Lương Thiện	62	62	0	4	4	0
13	Ninh Lai	139	0	139	2	0	2
14	Phú Lương	80	0	80	2	0	2
15	Phúc Ứng	112	62	50	3	1	2
16	Quyết Thắng	23	13	10	2	1	1
17	Sơn Nam	126	0	126	2	0	2
18	Tam Đa	19	0	19	2	0	2
19	Tân Trào	79	60	19	4	2	2
20	Thiện Kế	100	0	100	2	0	2
21	Thượng Âm	55	0	55	2	0	2
22	Trung Yên	91	91	0	4	4	0
23	Tuân Lộ	51	11	40	2	1	1
24	Văn Phú	59	14	45	2	1	1
25	Vân Sơn	17	7	10	2	1	1
26	Vĩnh Lợi	29	0	29	1	0	1
27	Lâm Xuyên	4	0	4	1	0	1
28	Tú Thịnh	48	0	48	2	0	2
29	Thanh Phát	21	21	0	2	2	0
	<b>Tổng</b>	<b>1.866</b>	<b>767</b>	<b>1.099</b>	<b>70</b>	<b>27</b>	<b>43</b>

**b. Lớp 10**

Huyện	Nguồn tuyển sinh			Chỉ tiêu tuyển sinh			Ghi chú
	Tổng số	Vùng ĐBKK	Vùng KK	Tổng số	Vùng ĐBKK	Vùng KK	
Sơn Dương	64	33	31	55	29	26	
Yên Sơn	18	15	3	15	13	2	
<b>Cộng</b>	<b>82</b>	<b>48</b>	<b>34</b>	<b>70</b>	<b>42</b>	<b>28</b>	

**2. Trường PTDTNT THPT tỉnh Tuyên Quang**

Huyện	Nguồn tuyển sinh			Chỉ tiêu tuyển sinh			Ghi chú
	Tổng số	Vùng ĐBKK	Vùng KK	Tổng số	Vùng ĐBKK	Vùng KK	
Lâm Bình	46	32	14	24	17	7	
Na Hang	74	42	32	33	20	13	
Chiêm Hóa	79	41	38	33	19	14	
Hàm Yên	59	38	21	29	20	9	
Yên Sơn	55	33	22	23	14	9	
<b>Cộng</b>	<b>313</b>	<b>186</b>	<b>127</b>	<b>142</b>	<b>90</b>	<b>52</b>	